TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-04-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 08 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B L, xã Th C, huyện G C T, tỉnh T G.

* Bị đơn: Anh Trần My N, sinh năm 1991 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C G, xã Đ H B, huyện A M, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018, bản tự khai ngày 11/3/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Trần My N chung sống với nhau vào năm

2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2017, sau khi kết hôn anh chị thuê nhà ở thành phố Hồ Chí Minh để đi làm thuê. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp nhau. Nguyên nhân là do anh N rất ham chơi không lo làm ăn, không quan tâm chia sẻ gì với chị, tuy vậy chị cũng đã cố nhẫn nhịn và cho anh N cơ hội nhưng không có kết quả, vì vậy vào tháng 06/2017 chị ly thân với anh N về cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị L và anh N chưa có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị L xác định, chị L và anh N không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn với anh Trần My N;

- Về quan hệ nuôi con chung: Chị L và anh N chưa có con chung, nên không yêu cầu;

Về tài sản: Chị L xác định, chị L và anh N không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu;

Về nợ chung: Chị L xác định, chị L và anh N không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu.

** Tại bản tự khai ngày 27/02/2019 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 27/02/2019 bị đơn anh Trần My N trình bày:*

Năm 2017 anh chung sống với chị Nguyễn Thị Thùy L, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2017, ly thân ngày 13/05/2017, lý do không có tiếng nói chung, bất đồng trong sinh hoạt hằng ngày, anh N đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản và nợ đúng như chị L trình bày.

Theo yêu cầu của chị L, anh đồng ý ly hôn với chị L; Về con chung, tài sản và nợ không tranh chấp, nên không yêu cầu.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L và bị đơn anh Trần My N vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Trần My N, sau khi bị đơn anh Trần My N có văn bản gửi đến Tòa án trình bày ý kiến của anh và sau đó anh N gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh; ngày 11/03/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị, nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L và bị đơn anh Trần My N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2017 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy L xin được ly hôn với anh Trần My N. Thấy rằng, giữa chị L và anh N đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống hằng ngày trong thời gian dài và đã ly thân trong thời gian dài, cả anh N và chị L không có biện pháp hàn gắn, đồng thời anh chị đều thể hiện nguyện vọng ở các bản tự khai và cả hai người cùng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Qua đó cho thấy, anh N và chị L không mong muốn được hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh N tiếp tục chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh N xác định, anh chị chưa có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị L và anh N xác định, không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh N xác định, chị L và anh N không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L đối với anh Trần My N. Cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Trần My N.

- *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh N xác định, anh chị chưa có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản:* Chị L và anh N xác định, không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị L và anh N xác định, chị L và anh N không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp, theo biên lai thu số 0008940 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L và bị đơn anh Trần My N. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Thành Công;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

Trần Văn Tới